TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2026/DS-HNGĐ
Ngày 30-3-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phượng

2. Ông Luân Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Triệu Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực I - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nông Thị H; sinh năm 1983

Địa chỉ: Phố G, xã H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Vĩnh T; sinh năm: 1980

Địa chỉ: Phố G, xã H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Hoàng Thị B;

Địa chỉ: Phố G, xã H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nông Thị H trình bày:

Bà và ông Hoàng Vĩnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H (nay là xã H), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, không còn tiếng nói chung, áp lực cuộc sống. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành, đến cuối năm 2011 bắt đầu sống ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng hiện nay đã không

còn khả năng khắc phục và không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Trình Q, sinh ngày 06/4/2005 (giới tính: nam) và Hoàng Thục A, sinh ngày 06/02/2011 (giới tính: nữ). Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thục A còn ông T nuôi dưỡng cháu Hoàng Trình Q, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự, bị đơn Hoàng Vĩnh T trình bày: ông và bà Nông Thị H kết hôn ngày 24/01/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H (nay là xã H), tỉnh Cao Bằng trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2012 không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn với bà H.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Trình Q, sinh ngày 06/4/2005 (giới tính: nam) và Hoàng Thục A, sinh ngày 06/02/2011 (giới tính: nữ). Sau khi ly hôn ông nhất trí để bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thục A, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Cháu Hoàng Trình Q hiện nay đã trên 18 tuổi không đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 06/02/2026 bà Hoàng Thị B là mẹ đẻ của ông Hoàng Vĩnh T cho biết: bà Nông Thị H và ông Hoàng Vĩnh T đã ly thân từ năm 2012, trong thời gian ly thân bà H và ông T không còn quan tâm đến nhau nhưng bà H vẫn làm tròn bổn phận của người con dâu.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 09/01/2026 cháu Hoàng Thục A khai trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 1 - Cao Bằng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: bà Nông Thị H và ông Hoàng Vĩnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H (nay là xã H), tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống

ly thân từ cuối năm 2011 và không còn quan tâm đến nhau, nay bà H yêu cầu ly hôn ông T nhất trí. Về con chung là cháu Hoàng Thục A có nguyện vọng sống với mẹ phù hợp với nguyện vọng của bà H và ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nông Thị H, giao cháu Hoàng Thục A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung với ông T. Yêu cầu của bà Nông Thị H về việc buộc ông Hoàng Vĩnh T phải chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Trình Q đã thành niên là không có căn cứ để xem xét, chấp nhận; về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Hoàng Vĩnh T trú tại xã H, tỉnh Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự có mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Vĩnh T đã được triệu tập nhiều lần nhưng có vấn đề về sức khỏe nên không thể đến Tòa án để giải quyết vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân

Bà Nông Thị H và ông Hoàng Vĩnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H (nay là xã H), tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà H và ông T đã sống ly thân từ khoảng năm 2011-2012, quá trình ly thân vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của các đương sự.

[2.2]. Về con chung

Quá trình chung sống bà Nông Thị H và ông Hoàng Vĩnh T có 02 con chung là Hoàng Trình Q, sinh ngày 06/4/2005 (giới tính: nam) và Hoàng Thục A, sinh ngày 06/02/2011 (giới tính: nữ). Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng

được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thục A còn ông T nuôi dưỡng cháu Hoàng Trình Q, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn chỉ đặt ra đối với con chưa thành niên, tại thời điểm xét xử cháu Hoàng Trình Q đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cháu Hoàng Thục A có nguyện vọng được sống cùng mẹ là phù hợp với nguyện vọng của bà H và ông T. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của các đương sự đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Nông Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị H

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nông Thị H được ly hôn với ông Hoàng Vĩnh T.

1.2. Về con chung: giao cho bà Nông Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Thục A (giới tính: nữ) sinh ngày 06/02/2011 đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nông Thị H không yêu cầu ông Hoàng Vĩnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí

Bà Nông Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cao Bằng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000308 ngày 20 tháng 11 năm 2025. Xác nhận bà Nông Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 1 - Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 1-Cao Bằng;
- UBND xã H, tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền